TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn...*

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN- TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Mai
2. Ông Nguyễn Ngọc Liễu

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang- Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2023, giữa các đ- ơng sự:

1. **Nguyên đơn***:* Chị Nguyễn Thị H- **s**inh năm: 1993 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT*:* Thôn 1, xã Q, thành phố S, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã Q, thành phố S, Thanh Hóa.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Văn G - sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, thành phố S, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đ- ợc bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bầy:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thành phố S năm 2010. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chòng đã sống ly hôn hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị tha thiết đề nghị được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung là Lê Thị Kim N sinh ngày 28/11/2010 và Lê Văn B sinh ngày 21/5/2014. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp

nuôi cháu N; giao anh G trực tiếp nuôi cháu B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai cháu N đề nghị nếu bố mẹ không sống cùng nhau cháu xin được ở với cả bố và mẹ; Tại đơn nguyện vọng cháu B đề nghị được ở với bố.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Lê Văn G: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, Quyết định đ- a vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa .... nh- ng anh hoàn toàn vắng mặt.

Thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương Thôn 1, xã Q, TP. Sầm Sơn cho biết: Chị H và anh G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có ĐKKH tại UBND xã Q. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà chồng tại Thôn 1, xã Q. Giữa chị H anh G về mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm rõ. Hiện tại địa phương không thấy chị H sống cùng anh G tại nhà chồng. Anh chị có 02 con chung như trình bày của chị H. Về yêu cầu ly hôn của chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Hà vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Anh G đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, 82, 83 và 84 Luật HN&GĐ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị H và anh G cùng cư trú trên địa bàn TP. Sầm Sơn. Chị H có đơn xin ly hôn, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G không có mặt. Tại phiên tòa anh G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

Về hôn nhân: Chị H và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có ĐKKH tại cơ quan nhà n- ớc có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt, theo chị H trình bày vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Thực tế hiện nay anh, chị đã không sống cùng nhau. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo phiên hòa giải nhưng anh G vẫn cố tình vắng mặt chứng tỏ anh không có thiện chí để có thể hàn gắn lại quan hệ vợ chồng. Nay chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 luật HN và GĐ,chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị H và anh G có 02 con chung là Lê Thị Kim N sinh ngày 28/11/2010 và Lê Văn B sinh ngày 21/5/2014. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi

cháu N, giao anh G trực tiếp nuôi cháu B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N là gái, hiện nay cháu đang ở tuổi dậy thì, là giai đoạn phát triển tâm sinh lý rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, đề nghị của chị H về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn như trên là hợp lý, mặt khác nguyện vọng của chị cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần căn cứ Điều 81, 82 và 83 luật HN&GĐ giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu B cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh, chị có quyền thăn nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị H chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227và khoản 1 □iều 273 BLTTDS. Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN và GĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn G.

Về con chung: Chị H và anh G có 02 con chung là Lê Thị Kim N sinh ngày 28/11/2010 và Lê Văn B sinh ngày 21/5/2014. Giao chị H trực tiếp nuôi cháu N, giao anh G trực tiếp nuôi cháu B. Anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0013532 ngày 22/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (chị H đã nộp đủ án phí).

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Đ- ơng sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- L- u hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Thị Hà